

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KỲ 2-NĂM HỌC: 2022-2023  
MÔN: TIẾNG ANH - LỚP 11, THỜI GIAN: 60 PHÚT

Thời gian/câu trắc nghiệm/tự luận

|     |     |   |   |     |     |     |     |
|-----|-----|---|---|-----|-----|-----|-----|
| 0.8 | 0.8 | 1 | 1 | 1.2 | 1.2 | 1.5 | 1.5 |
|-----|-----|---|---|-----|-----|-----|-----|

| S<br>T<br>T | NỘI<br>DUNG<br>KIẾN<br>THỨC | ĐƠN VỊ<br>KIẾN<br>THỨC                                          | CÂU HỎI THEO MỨC ĐỘ NHẬN THỨC |              |          |              |            |              |          |              |          |              |          |              |              |              |          |              | Tổng số<br>câu |          | Tổng<br>thời<br>gian | Tỉ lệ<br>%<br>(sau<br>cân<br>chỉnh) | Số<br>điểm<br>cân<br>chỉnh | Tổng<br>số<br>câu<br>TN | Tổng<br>số<br>câu<br>TL |     |
|-------------|-----------------------------|-----------------------------------------------------------------|-------------------------------|--------------|----------|--------------|------------|--------------|----------|--------------|----------|--------------|----------|--------------|--------------|--------------|----------|--------------|----------------|----------|----------------------|-------------------------------------|----------------------------|-------------------------|-------------------------|-----|
|             |                             |                                                                 | NHẬN BIẾT                     |              |          |              | THÔNG HIỂU |              |          |              | VẬN DỤNG |              |          |              | VẬN DỤNG CAO |              |          |              |                |          |                      |                                     |                            |                         |                         |     |
|             |                             |                                                                 | ch<br>TN                      | Thời<br>gian | ch<br>TL | Thời<br>gian | ch<br>TN   | Thời<br>gian | ch<br>TL | Thời<br>gian | ch<br>TN | Thời<br>gian | ch<br>TL | Thời<br>gian | ch<br>TN     | Thời<br>gian | ch<br>TL | Thời<br>gian | ch<br>TN       | ch<br>TL |                      |                                     |                            |                         |                         |     |
| 1           | Ngữ<br>Âm                   | Phát âm                                                         | 3                             | 2.4          |          | -            |            | -            |          | -            |          | -            |          | -            |              | -            |          | -            | 3              | 0        | 2.4                  | 6%                                  | 0.6                        | 3                       | 0                       |     |
|             |                             | Trọng âm                                                        | 2                             | 1.6          |          | -            |            | -            |          | -            |          | -            |          | -            |              | -            |          | -            | 2              | 0        | 1.6                  | 4%                                  | 0.4                        | 2                       | 0                       |     |
| 2           | Ngữ<br>pháp -<br>Từ<br>vựng | Ngữ pháp                                                        | 5                             | 4.0          |          | -            | 5          | 5.0          |          | -            |          | -            |          | -            |              | -            |          | -            | 10             | 0        | 9                    | 20%                                 | 2                          | 10                      | 0                       |     |
|             |                             | Từ vựng                                                         | 7                             | 5.6          |          | -            | 3          | 3.0          |          | -            |          | -            |          | -            |              | -            |          | -            | 10             | 0        | 8.6                  | 20%                                 | 2                          | 10                      | 0                       |     |
| 3           | Kỹ<br>năng<br>đọc           | Đọc hiểu<br>và điền từ<br>hoặc trả<br>lời câu<br>hỏi            |                               | -            |          | -            | 5          | 5.0          |          | -            |          | -            |          | -            |              | -            |          | -            | 5              | 0        | 5                    | 10%                                 | 1                          | 5                       | 0                       |     |
| 4           | Kỹ<br>năng<br>viết          | Dạng<br>thức từ                                                 |                               | -            |          | -            |            | -            |          | -            |          | 5            | 6.0      |              | -            |              | -        | -            | 0              | 5        | 6                    | 10%                                 | 1                          | 0                       | 5                       |     |
|             |                             | Chia thì<br>động từ                                             |                               |              |          |              |            |              |          |              |          | 5            | 6.0      |              |              |              |          | -            | 0              | 5        | 6                    | 10%                                 | 1                          | 0                       | 5                       |     |
|             |                             | Biến đổi<br>câu gần<br>nghĩa;<br>Viết câu<br>dùng từ<br>cho sẵn |                               |              |          |              |            |              |          |              |          |              |          |              |              | -            | 5        | 7.5          | 0              | 5        | 7.5                  | 10%                                 | 1                          | 0                       | 5                       |     |
| 5           | Kỹ<br>năng<br>nghe          | Nghe<br>hiểu điền<br>từ hoặc<br>trả lời câu<br>hỏi              | 3                             | 2.4          |          |              | 2          | 2.0          |          |              |          |              |          |              |              |              |          | 5            | 0              | 4.4      | 10%                  | 1                                   | 5                          | 0                       |                         |     |
| TỔNG        |                             |                                                                 | 20                            | 16.0         | 0        | 0            | 15         | 15.0         | 0        | 0            | 0        | 0            | 10       | 12           | 0            | 0            | 5        | 7.5          | 35             | 15       | 50.5                 | 100%                                | 10                         | 35                      | 15                      |     |
| TỈ LỆ       |                             |                                                                 | 40%                           |              |          |              | 30%        |              |          |              | 20%      |              |          |              | 10%          |              |          |              |                |          |                      |                                     |                            |                         | 70%                     | 30% |
| TỔNG ĐIỂM   |                             |                                                                 | 4                             |              |          |              | 3          |              |          |              | 2        |              |          |              | 1            |              |          |              |                |          |                      | 10.00                               |                            |                         |                         |     |